

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI**  
**DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 24

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con đã được kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong được thành lập theo Giấy phép số 1523/GP-UB ngày 03 tháng 07 năm 1997 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 64074 cấp ngày 01 tháng 12 năm 1997 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính và nhà xưởng đặt tại Lô 4, đường B, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật
- Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hoá
- Đại lý ký gửi hàng hoá
- Dịch vụ thương mại

### **2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty vào ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị:

Ông Bùi Hải Đường	Chủ tịch đến ngày 14/11/2008
Ông Lê Mạnh	Chủ tịch từ ngày 14/11/2008
Ông Lương Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Trần Vĩ Quyền	Ủy viên kiêm Phó Giám đốc
Ông Vũ Việt Hùng	Ủy viên
Ông Mạc Trần Hồng	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát:

Ông Trần Hòa	Trưởng ban
Ông Lê Anh Tân	Ủy viên
Bà Quách Thị Ngọc Kim	Ủy viên

#### Ban Giám đốc:

Ông Lương Trọng Tuấn	Giám đốc
Ông Trần Vĩ Quyền	Phó Giám đốc
Bà Hàng Thị Quỳnh Mai	Phó Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### **4. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 cho Công ty.

### **6. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009



Số: 09.216/BCKT.04

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Kính gửi:****Các thành viên Hội Đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các Công ty con. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.


**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong vào ngày 31/12/2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**CÔNG TY**  
**TRÁCH NHIỆM KIỂM TOÁN**  
**DTL**  
**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**  
Chứng chỉ KTV 0425/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>91.819.048.946</b>	<b>89.745.473.447</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(5.1)</b>	<b>3.450.550.778</b>	<b>1.684.768.356</b>
1. Tiền	111		3.450.550.778	1.684.768.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>(5.2)</b>	<b>41.254.640.605</b>	<b>45.169.125.833</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.779.804.267	40.055.932.498
2. Trả trước cho người bán	132		968.497.913	3.799.560.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.614.828.841	2.465.900.955
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.108.490.416)	(1.152.268.118)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>(5.3)</b>	<b>44.391.027.126</b>	<b>40.378.676.401</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.200.032.696	40.378.676.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(809.005.570)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.722.830.437</b>	<b>2.512.902.857</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.517.963	104.324.391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.532.972.302	1.230.151.506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	8.666.760
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.040.340.172	1.169.760.200

(Phần tiếp theo ở trang 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.060.732.030</b>	<b>38.647.340.642</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.600.320.776</b>	<b>30.656.929.001</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>(5.4)</b>	<b>19.900.982.073</b>	<b>23.478.615.681</b>
- Nguyên giá	222		69.546.576.502	68.517.359.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.645.594.429)	(45.038.743.674)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>(5.5)</b>	<b>6.992.540.612</b>	<b>7.178.313.320</b>
- Nguyên giá	228		8.545.544.404	8.545.544.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.553.003.792)	(1.367.231.084)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>706.798.091</b>	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>(5.6)</b>	<b>1.496.570.352</b>	<b>1.585.917.840</b>
- Nguyên giá	241		2.233.687.128	2.233.687.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(737.116.776)	(647.769.288)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>(5.7)</b>	<b>8.558.169.491</b>	<b>5.914.377.731</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.967.019.491	4.718.677.731
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.591.150.000	1.195.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>405.671.411</b>	<b>490.116.070</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		405.671.411	490.116.070
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>129.879.780.976</b>	<b>128.392.814.089</b>

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70.420.235.566</b>	<b>73.393.661.535</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.134.834.757</b>	<b>70.019.773.127</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	38.810.658.590	41.571.293.059
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	13.891.571.576	16.918.430.152
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	7.313.808.383	2.015.357.728
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	4.772.179.061	4.145.762.229
5. Phải trả người lao động	315		1.063.568.307	712.041.205
6. Chi phí phải trả	316		214.112.116	363.915.822
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.068.936.724	4.292.972.932
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.285.400.809</b>	<b>3.373.888.408</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	135.962.100
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.11)	2.834.377.561	3.072.926.308
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.000.000	165.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		233.023.248	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.093.939.218</b>	<b>54.560.000.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.12)	<b>57.929.500.841</b>	<b>53.573.288.873</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.008.861.000	1.008.861.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.214.878.030)	(1.247.406.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.004.676.901	6.816.057.305
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.117.581.126	2.397.483.874
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.013.259.844	4.598.292.694
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.164.438.377</b>	<b>986.711.259</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.164.438.377	986.711.259
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>365.606.192</b>	<b>439.152.422</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>129.879.780.976</b>	<b>128.392.814.089</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

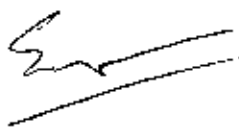
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		533.968.259	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		1.149,34	16.480,87
+ EUR		4,12	4,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**TRẦN CAO SƠN**



**LƯƠNG TRỌNG TUẤN**

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

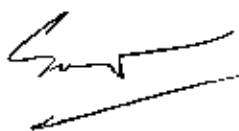
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	410.377.420.640	320.388.982.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.1)	574.299.582	200.884.594
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	(6.1)	409.803.121.058	320.188.097.443
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.4)	360.503.070.037	295.791.652.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		49.300.051.021	24.396.444.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	1.758.864.149	4.293.732.483
7. Chi phí tài chính	22		7.424.214.408	7.112.994.702
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.094.091.410	4.632.537.499
8. Chi phí bán hàng	24		14.953.793.229	8.007.120.970
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.810.284.509	9.275.760.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		14.870.623.024	4.294.301.582
11. Thu nhập khác	31	(6.3)	3.876.267.463	4.403.616.436
12. Chi phí khác	32		263.833.717	243.785.050
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.612.433.746	4.159.831.386
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(451.658.240)	1.540.374.847
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.031.398.530	9.994.507.815
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.5)	2.573.689.584	1.249.601.809
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.457.708.946	8.744.906.006
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		62.007.512	43.720.148
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		15.395.701.434	8.701.185.858
19. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	70		4.014	2.245

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CAO SƠN



TRẦN TRỌNG TUẤN

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		473.271.415.124	343.455.120.165
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(380.596.086.228)	(301.162.683.667)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.920.905.649)	(13.613.688.134)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.897.260.853)	(4.648.096.703)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.581.003.232)	(2.010.737.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.967.651.932	6.855.536.492
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.948.882.921)	(25.499.658.519)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.294.928.173</b>	<b>3.375.791.706</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(3.589.864.283)	(1.000.487.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		514.500.000	155.367.965
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.700.000.000)	(2.989.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		90.374.224	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		365.974.342	4.028.875.226
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.319.015.717)</b>	<b>694.055.805</b>

(Phần tiếp theo ở trang 10)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

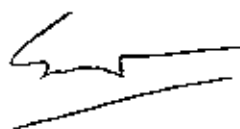
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	900.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(967.472.030)	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		172.260.791.112	173.802.974.360
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(176.288.059.043)	(176.529.669.269)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.107.851.912)	(4.056.205.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.102.591.873)</b>	<b>(5.882.900.761)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.873.320.583</b>	<b>(1.813.053.250)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.684.768.356</b>	<b>3.505.182.133</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(107.538.161)</b>	<b>(7.360.527)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.450.550.778</b>	<b>1.684.768.356</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

KÊ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CAO SƠN



GIÁM ĐỐC

LƯƠNG TRỌNG TUẤN

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## **1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

### **1.1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy phép số 1523/GP-UB ngày 03 tháng 07 năm 1997 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 64074 cấp ngày 01 tháng 12 năm 1997 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính và nhà xưởng đặt tại Lô 4, đường B, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật
- Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hoá
- Đại lý ký gởi hàng hoá
- Dịch vụ thương mại

### **1.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

- Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang  
Địa chỉ: 86 Hoàng Văn Thụ, Phường Vạn Thắng, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 88,57%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 88,57%.

Vào ngày 30/9/2008, Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình trong Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang, chấm dứt quyền kiểm soát công ty con này.

- Công ty TNHH Thương Mại Hóa Chất Hồng Phong.  
Địa chỉ: 31/40A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 66,67%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 66,67%

### **1.3. Danh sách các công ty liên kết**

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trường Phong;  
Địa chỉ: Lô A-4-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29%
- Công ty TNHH Đại Phong;  
Địa chỉ: D2-10 Chung cư An Lộc, Nguyễn Oanh, Phường 17, Quận Gò Vấp.  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 34%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 34%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tiến Phong  
Địa chỉ: Lô M6, Đường B4, KCN Nam Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30 %  
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30 %

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

#### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	7 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-8 năm
+ Thiết bị văn phòng	3-8 năm
+ Quyền sử dụng đất	46 năm

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

## **4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

## **4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Nguyên tắc lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản vốn đầu tư vào các tổ chức kinh tế: Dự phòng tổn thất được trích lập khi các tổ chức kinh tế đang đầu tư bị lỗ. Mức trích tối đa bằng với mức vốn đầu tư.

## **4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

## **4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Theo điều lệ hoạt động của Công ty, các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo tỷ lệ như sau:

<u>Tên các quỹ</u>	<u>Tỷ lệ trích (%)</u>
Quỹ đầu tư phát triển	15%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%



# **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## **4.9. Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

## **4.10. Thuế**

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## **4.11. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này

## **5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất**

### **5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	1.348.985.796	464.607.590
Tiền gửi ngân hàng	2.101.564.982	1.220.160.766
<b>Cộng</b>	<b>3.450.550.778</b>	<b>1.684.768.356</b>

### **5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu khách hàng	40.779.804.267	40.055.932.498
Trả trước cho người bán	968.497.913	3.799.560.498
Các khoản phải thu khác	2.614.828.841	2.465.900.955
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.108.490.416)	(1.152.268.118)
<b>Giá trị thuần của phải thu</b>	<b>41.254.640.605</b>	<b>45.169.125.833</b>

(Phần tiếp theo ở trang 16)

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	598.396.861
Nguyên liệu, vật liệu	7.241.802.094	9.103.593.534
Công cụ, dụng cụ	928.399.791	1.318.444.995
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.686.614.302	1.520.005.380
Thành phẩm	2.692.891.952	3.547.416.345
Hàng hóa	28.650.324.557	24.290.819.286
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.200.032.696	40.378.676.401
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(809.005.570)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	<b>44.391.027.126</b>	<b>40.378.676.401</b>

Giá trị hàng hoá đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 10.000.000.000 đồng - xem thêm mục 5.8.

## 5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	12.130	48.099	6.141	2.147	68.517
Mua sắm	-	1.730	1.636	214	3.580
XDCB hoàn thành	41	-	-	-	41
Thanh lý	-	-	(523)	(598)	(1.121)
Thanh lý công ty con	(10)	-	(1.416)	(44)	(1.470)
Số dư cuối năm	<b>12.161</b>	<b>49.829</b>	<b>5.838</b>	<b>1.719</b>	<b>69.547</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.577	37.419	2.844	1.199	45.039
Khấu hao trong năm	479	4.453	736	332	6.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thanh lý, nhượng bán	-	-	(422)	(477)	(899)
Thanh lý công ty con	(10)	-	(442)	(42)	(494)
Số dư cuối năm	<u>4.046</u>	<u>41.872</u>	<u>2.716</u>	<u>1.012</u>	<u>49.646</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.554	10.680	3.298	947	23.479
Tại ngày cuối năm	<u>8.115</u>	<u>7.957</u>	<u>3.122</u>	<u>707</u>	<u>19.901</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 30.799.609.257 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 13.944.844.297 đồng - xem thêm mục 5.8 và 5.11.

## 5.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất	8.545.544.404	-	-	8.545.544.404
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	1.367.231.084	185.772.708	-	1.553.003.792
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	<u>7.178.313.320</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.992.540.612</u>

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng - xem thêm mục 5.8

## 5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	2.233.687.128	-	-	2.233.687.128
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	647.769.288	89.347.488	-	737.116.776
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	<u>1.585.917.840</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.496.570.352</u>

Giá trị bất động sản đầu tư là tòa nhà 40 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng - xem thêm mục 5.8.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

### **5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	6.967.019.491	4.718.677.731
Đầu tư dài hạn khác	1.591.150.000	1.195.700.000
<b>Cộng</b>	<b>8.558.169.491</b>	<b>5.914.377.731</b>

Danh sách các Công ty liên kết đã đầu tư như sau:

	<b>Giá trị khoản đầu tư đến 31/12/2008</b>	<b>Giá trị khoản đầu tư đến 31/12/2007</b>
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trường Phong	1.972.205.917	2.302.805.917
+ Công ty TNHH Đại Phong	383.644.833	371.163.905
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tiền Phong	4.611.168.741	2.044.707.909
<b>Cộng</b>	<b>6.967.019.491</b>	<b>4.718.677.731</b>

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, do đó đã bao gồm các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu trong công ty liên kết.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được ghi nhận theo mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, khoản đầu tư này không bị giảm giá đáng kể do đó Công ty không lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

### **5.8. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	12.143.801.201	40.215.796.777
Vay ngắn hạn bằng ngoại tệ	26.666.857.389	1.355.496.282
<b>Cộng</b>	<b>38.810.658.590</b>	<b>41.571.293.059</b>

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân chịu lãi suất 0,81%/tháng; khoản vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 0,45% đến 0,83%/tháng đối với đồng đô la Mỹ và từ 0,95% đến 1,06% đối với đồng Việt Nam.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là tòa nhà 40 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, hàng hóa để tại kho, giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Tân Tạo, quyền sử dụng đất và nhà của bên thứ 3 - xem thêm mục 5.3, 5.4, 5.5 và 5.6.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	13.891.571.576	16.918.430.152
Người mua trả tiền trước	7.313.808.383	2.015.357.728
<b>Cộng</b>	<b>21.205.379.959</b>	<b>18.933.787.880</b>

Trong khoản phải trả người bán có khoản phải trả bằng ngoại tệ là 307.134,51 USD tương đương 5.212.243.710 VND và 16.995,82 EUR tương đương 351.403.893 VND (năm trước: 524.605,49 USD tương đương 8.470.518.594 VND).

## 5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	2.858.604.856	1.670.281.287
Thuế nhập khẩu	88.997.386	2.065.096.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.391.412.044	368.064.869
Thuế thu nhập cá nhân	433.164.775	42.319.400
<b>Cộng</b>	<b>4.772.179.061</b>	<b>4.145.762.229</b>

## 5.11. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn bằng đồng Việt Nam	2.464.785.724	1.985.323.149
Vay dài hạn bằng ngoại tệ	369.591.837	1.087.603.159
<b>Cộng</b>	<b>2.834.377.561</b>	<b>3.072.926.308</b>

Khoản vay bằng ngoại tệ là 21.770 USD (năm trước: 67.770,15 USD).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng chịu lãi suất từ 12% đến 16,5%/năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất Sibor 6 tháng +2,2%/năm đối với khoản vay bằng đô la Mỹ.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải - xem thêm mục 5.4

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.12. Vốn chủ sở hữu**

**5.12.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: triệu đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	40.000	7.769	1.663	1.009	(1.248)	49.193
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.745	-	-	8.745
Chia cổ tức	-	-	(3.951)	-	-	(3.951)
Trích quỹ	-	1.445	(1.445)	-	-	-
Giảm khác	-	-	(414)	-	-	(414)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>40.000</b>	<b>9.214</b>	<b>4.598</b>	<b>1.009</b>	<b>(1.248)</b>	<b>53.573</b>
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	(967)	(967)
Lợi nhuận trong năm	-	-	15.396	-	-	15.396
Chia cổ tức	-	-	(9.323)	-	-	(9.323)
Trích quỹ	-	2.968	(2.968)	-	-	-
Giảm khác	-	-	(690)	-	-	(690)
Thanh lý công ty con	-	(60)	-	-	-	(60)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.000</b>	<b>12.122</b>	<b>7.013</b>	<b>1.009</b>	<b>(2.215)</b>	<b>57.929</b>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

## 5.12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của người lao động trong Công ty	29,46%	11.784.000.000	11.784.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư trong nước	57,17%	22.868.000.000	22.868.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư nước ngoài	13,37%	5.348.000.000	5.348.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
Thặng dư vốn cổ phần		1.008.861.000	1.008.861.000
Cổ phiếu quỹ		(2.214.878.030)	(1.247.406.000)

Số lượng cổ phiếu quỹ là 184.120 cổ phiếu

## 5.12.3. Chia cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm 2006 đã công bố trên cổ phần phổ thông	-	3.875.880.000
Cổ tức năm 2007 đã công bố trên cổ phần phổ thông	4.651.056.000	-
Cổ tức năm 2008 đã công bố trên cổ phần phổ thông	4.579.056.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.230.112.000</b>	<b>3.875.880.000</b>

## 5.12.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(184.120)	(124.120)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.815.880	3.875.880
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phiếu		

## 5.12.5. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	15.395.701.434	8.701.185.858
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty	3.835.274	3.875.880
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	4.014	2.245

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.12.6. Các quỹ của Công ty**

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	9.004.676.901	6.816.057.305
Quỹ dự phòng tài chính	3.117.581.126	2.397.483.874
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.164.438.377	986.711.259
<b>Cộng</b>	<b>13.286.696.404</b>	<b>10.200.252.438</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	284.754.719.514	191.657.374.748
Doanh thu bán sản phẩm	125.344.666.526	128.353.789.199
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	10.909.090
Thu nhập từ cho thuê bất động sản	278.034.600	366.909.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(574.299.582)	(200.884.594)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>409.803.121.058</b>	<b>320.188.097.443</b>
Trong đó, doanh thu xuất khẩu	14.558.316.412	22.751.534.221

**6.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.889.192	25.483.646
Cổ tức, lợi nhuận được chia	694.350.794	343.179.500
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	-	3.850.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.000.624.163	75.069.337
<b>Cộng</b>	<b>1.758.864.149</b>	<b>4.293.732.483</b>

**6.3. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCĐ	559.483.118	110.000.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	224.281.684	500.188.602
Thu nhập khác	3.092.502.661	3.793.427.834
<b>Cộng</b>	<b>3.876.267.463</b>	<b>4.403.616.436</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

## 6.4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	263.817.210.818	189.125.645.389
Giá vốn thành phẩm	96.685.859.219	106.666.007.078
<b>Cộng</b>	<b>360.503.070.037</b>	<b>295.791.652.467</b>

## 6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.554.089.584	1.249.601.809
Chi phí thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn	19.600.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.573.689.584</b>	<b>1.249.601.809</b>

## 7. Lương của Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

Tại Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Lương của Giám đốc	268.678.152	159.974.468
Lương những người quản lý quan trọng khác	464.364.115	289.712.666
Thù lao Hội đồng Quản trị	210.966.667	218.066.666
<b>Cộng</b>	<b>944.008.934</b>	<b>667.753.800</b>

Tại các công ty con

	Năm nay	Năm trước
Lương của Giám đốc	162.025.000	67.025.000
Lương những người quản lý quan trọng khác	109.987.038	49.196.153
<b>Cộng</b>	<b>272.012.038</b>	<b>116.221.153</b>

## 8. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào quan trọng sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.

*(Phần tiếp theo ở trang 24)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

**9. Những thông tin khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 04 năm 2009.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**TRẦN CAO SƠN**

**GIÁM ĐỐC**



**LƯƠNG TRỌNG TUẤN**